

Số: 15/2016/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 04 tháng 8 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân
tỉnh Nghệ An khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHÓA XVII, KỶ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Xét Tờ trình số 23/TTr-HĐND ngày 28 tháng 7 năm 2016 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 – 2021.

Điều 2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVII, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 04 tháng 8 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 14 tháng 8 năm 2016/.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ (để b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB) (để b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT.



Nguyễn Xuân Sơn

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHÓA XVII, NHIỆM KỲ 2016 - 2021

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 15 /2016/NQ-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; mối quan hệ giữa Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh với Ủy ban nhân dân tỉnh; mối quan hệ giữa Hội đồng nhân dân tỉnh với Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh và các tổ chức thành viên của Mặt trận; những điều kiện đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động theo nguyên tắc tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ.
2. Hội đồng nhân dân tỉnh làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số.
3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương, Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, các quy định khác của pháp luật có liên quan và những quy định tại Quy chế này; Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân tỉnh; Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành văn bản và sử dụng con dấu của Hội đồng nhân dân tỉnh để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
4. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh

Hội đồng nhân dân tỉnh gồm các đại biểu Hội đồng nhân dân do cử tri ở

tỉnh bầu ra, là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân toàn tỉnh và cơ quan nhà nước cấp trên.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh trong tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật:

a) Ban hành nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Quyết định biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác, phòng, chống quan liêu, tham nhũng trong phạm vi được phân quyền; biện pháp bảo vệ tài sản của cơ quan, tổ chức, bảo hộ tính mạng, tự do, danh dự, nhân phẩm, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân trên địa bàn tỉnh;

c) Quyết định biện pháp để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan nhà nước cấp trên phân cấp; quyết định việc phân cấp cho chính quyền địa phương cấp huyện, cấp xã, cơ quan nhà nước cấp dưới thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương ở tỉnh;

d) Bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Hội đồng nhân dân cấp huyện;

đ) Giải tán Hội đồng nhân dân cấp huyện trong trường hợp Hội đồng nhân dân đó làm thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của Nhân dân và trình Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn; phê chuẩn nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện về việc giải tán Hội đồng nhân dân cấp xã.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng chính quyền:

a) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và các Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm Tòa án nhân dân tỉnh;

b) Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu theo quy định tại điều 55 và điều 56 của Quy chế này;

c) Bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và chấp nhận việc đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu;

d) Quyết định thành lập, bãi bỏ cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Quyết định biên chế công chức trong cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập của Ủy ban nhân dân các cấp trên

địa bàn tỉnh theo chỉ tiêu biên chế được Chính phủ giao; quyết định số lượng và mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định của Chính phủ;

e) Quyết định thành lập, giải thể, nhập, chia thôn, tổ dân phố; đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố, đường, phố, quảng trường, công trình công cộng ở địa phương theo quy định của pháp luật.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh trong lĩnh vực kinh tế, tài nguyên, môi trường:

a) Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn, trung hạn và hằng năm của tỉnh; quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh trong phạm vi được phân quyền;

b) Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương. Quyết định chủ trương đầu tư, chương trình dự án của tỉnh theo quy định của pháp luật;

c) Quyết định các nội dung liên quan đến phí, lệ phí theo quy định của pháp luật; các khoản đóng góp của Nhân dân; quyết định việc vay các nguồn vốn trong nước thông qua phát hành trái phiếu địa phương, trái phiếu đô thị, trái phiếu công trình và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật và sử dụng ngân sách địa phương để cân đối trả nợ khoản vay;

d) Quyết định chủ trương, biện pháp cụ thể để khuyến khích, huy động các thành phần kinh tế tham gia cung cấp các dịch vụ công trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

đ) Quyết định các biện pháp khác để phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

e) Quyết định quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trong phạm vi được phân quyền theo quy định của pháp luật; việc liên kết kinh tế vùng giữa các cấp chính quyền địa phương phù hợp với tình hình, đặc điểm của địa phương và bảo đảm tính thống nhất của nền kinh tế quốc dân;

g) Quyết định quy hoạch phát triển hệ thống tổ chức khuyến công, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, mạng lưới thương mại, dịch vụ, du lịch, mạng lưới giao thông trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

h) Thông qua quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh trước khi trình Chính phủ phê duyệt; quyết định biện pháp quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác, bảo vệ môi trường trong phạm vi được phân quyền.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao:

a) Quyết định biện pháp phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và các điều kiện bảo đảm cho hoạt động giáo dục, đào tạo trong phạm vi được phân quyền; quyết định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục, đào tạo công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định biện pháp khuyến khích phát triển nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trên địa bàn tỉnh;

c) Quyết định biện pháp phát triển sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao; biện pháp bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa ở địa phương; biện pháp bảo đảm cho hoạt động văn hóa, thông tin, quảng cáo, báo chí, xuất bản, thể dục, thể thao trên địa bàn tỉnh trong phạm vi được phân quyền.

5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh trong lĩnh vực y tế, lao động và thực hiện chính sách xã hội:

a) Quyết định biện pháp phát triển hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc tuyến tỉnh, tuyến huyện, tuyến xã;

b) Quyết định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định của pháp luật;

c) Quyết định biện pháp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân; bảo vệ và chăm sóc người mẹ, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo, trẻ mồ côi không nơi nương tựa và người có hoàn cảnh khó khăn khác. Quyết định biện pháp phòng, chống dịch bệnh; biện pháp thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh;

d) Quyết định biện pháp quản lý, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực ở địa phương; biện pháp tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập và cải thiện điều kiện làm việc, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động;

đ) Quyết định chính sách thu hút, khuyến khích đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại địa phương phù hợp với điều kiện, khả năng ngân sách của địa phương và quy định của cơ quan nhà nước cấp trên;

e) Quyết định biện pháp thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng; biện pháp thực hiện chính sách an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, biện pháp xóa đói, giảm nghèo.

6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh về công tác dân tộc, tôn giáo:

a) Quyết định biện pháp thực hiện chính sách dân tộc, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, nâng cao dân trí của đồng bào dân tộc thiểu số, bảo đảm

quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tăng cường đoàn kết toàn dân và tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc ở địa phương;

b) Quyết định biện pháp thực hiện chính sách tôn giáo trong phạm vi được phân quyền; biện pháp bảo đảm quyền bình đẳng giữa các tôn giáo, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh.

7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội:

a) Quyết định biện pháp bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật; giữ vững an ninh chính trị, đấu tranh, phòng, chống tham nhũng, tội phạm, các hành vi vi phạm pháp luật khác, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh;

b) Quyết định chủ trương, biện pháp nhằm phát huy tiềm năng của địa phương để xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc đáp ứng yêu cầu thời bình và thời chiến;

c) Quyết định chủ trương, biện pháp xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, công an xã ở địa phương; quyết định chủ trương, biện pháp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh, chuyên hoạt động kinh tế - xã hội của địa phương từ thời bình sang thời chiến;

d) Quyết định biện pháp bảo đảm trật tự công cộng, trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh.

8. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương, việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp; giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân cùng cấp và văn bản của Hội đồng nhân dân cấp huyện.

9. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 5. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh là cơ quan thường trực của Hội đồng nhân dân tỉnh, thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương, Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, các quy định khác của pháp luật có liên quan và quy định tại Quy chế này; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, hai Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các Ủy viên là Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân và Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh có thể là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Triệu tập các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh; phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc chuẩn bị kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.
2. Đôn đốc, kiểm tra Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan nhà nước khác ở tỉnh thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.
3. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật tại địa phương.
4. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; xem xét kết quả giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh khi xét thấy cần thiết và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất; giữ mối liên hệ với đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; tổng hợp chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh để báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh; yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân giải trình các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.
5. Tổ chức đề đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp công dân theo quy định của pháp luật; đôn đốc, kiểm tra và xem xét tình hình giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân; tổng hợp ý kiến, nguyện vọng của Nhân dân để báo cáo tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.
6. Phê chuẩn danh sách Ủy viên của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trong số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và việc cho thôi làm Ủy viên của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh theo đề nghị của Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh.
7. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu theo quy định tại điều 55 và điều 56 của Quy chế này.
8. Quyết định việc đưa ra Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc đưa ra cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.
9. Báo cáo về hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh lên Ủy ban thường vụ Quốc hội và Chính phủ.
10. Giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh; mỗi năm hai lần thông báo cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh về hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, thay mặt Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giữ mối liên hệ với Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan nhà nước, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức xã hội khác và công dân.

2. Các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh giúp Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Các Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công; tham gia các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 8. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh là hình thức hoạt động chủ yếu của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Tại phiên họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh họp thường kỳ mỗi tháng một lần. Khi xét thấy cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có thể họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tham dự.

3. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thời gian, chương trình, chỉ đạo việc chuẩn bị và chủ tọa phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; nếu Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh vắng mặt thì một Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh được Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh ủy quyền chủ tọa phiên họp.

4. Thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm tham gia đầy đủ các phiên họp, nếu vì lý do đặc biệt không thể tham gia thì phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

5. Đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội, Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh được mời tham dự phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Đại diện Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, đại diện các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, các cơ quan, tổ chức hữu quan có thể được mời tham dự phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh khi bàn về vấn đề có liên quan.

7. Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm chuẩn bị các dự án, đề án, báo cáo thuộc nội dung chương trình phiên họp theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc theo nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong công tác chuẩn bị, triệu tập kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh chuẩn bị dự kiến chương trình, nội dung kỳ họp, dự thảo Nghị quyết, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân tỉnh trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Viện trưởng kiểm sát nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Quyết định triệu tập kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, công bố dự kiến chương trình nội dung kỳ họp.

3. Chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri ở địa phương để báo cáo tại kỳ họp.

4. Tổng hợp ý kiến chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và trả lời chất vấn giữa 2 kỳ họp.

5. Bảo đảm việc chuẩn bị các dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Đôn đốc các cơ quan, tổ chức hữu quan gửi tài liệu kỳ họp đúng thời hạn do pháp luật quy định.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong đôn đốc kiểm tra, giám sát Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan Nhà nước khác ở địa phương thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan nhà nước khác ở địa phương báo cáo trực tiếp hoặc bằng văn bản về tình hình thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thi hành các biện pháp cần thiết để đảm bảo thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Khi phát hiện có sai phạm trong việc thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống nhân dân địa phương thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan nhà nước hữu quan ở địa phương áp dụng các biện pháp để chấm dứt hành vi vi phạm, xem xét, xử lý và báo cáo kết quả với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trong trường hợp cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có thể trình ra kỳ họp gần nhất của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc triệu tập phiên họp bất thường để Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

4. Xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung những biện pháp nhằm đảm bảo thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong điều hòa, phối hợp hoạt động các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Phân công các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra dự thảo Nghị quyết, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trước khi tổ chức kỳ họp thường lệ hoặc kỳ họp bất thường, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức họp để nghe báo cáo kết quả thẩm tra các báo cáo, đề án, dự thảo Nghị quyết trình tại kỳ họp do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công.

2. Phân công các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh tham gia hoạt động đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và một số công việc khác.

3. Phân công các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện một số nội dung thuộc chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; điều hòa phối hợp chương trình hoạt động của các Ban và đôn đốc các Ban hoạt động.

4. Tham dự cuộc họp của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Tổ chức và chủ trì các cuộc họp giao ban của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh với các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh khi cần thiết.

6. Tổ chức tập huấn, trao đổi kinh nghiệm hoạt động của Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân bàn các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân ở địa phương.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong công tác tiếp công dân

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp công dân; xây dựng các quy định, thủ tục về tiếp công dân bảo đảm đúng pháp luật và phù hợp với tình hình của địa phương; sắp xếp lịch tiếp công dân của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; bố trí công chức có đủ trình độ, năng lực và am hiểu về pháp luật để làm nhiệm vụ tiếp công dân; tổ chức đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp công dân tại nơi tiếp công dân ở địa phương mà đại biểu ứng cử.

2. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh phải có lịch tiếp công dân. Tùy theo yêu cầu của công việc, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí số lần tiếp công dân trong tháng. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh có thể ủy nhiệm cho Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Ủy viên của Thường trực Hội đồng nhân dân tiếp công dân, nhưng ít nhất mỗi quý Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh phải bố trí thời gian 01 ngày để trực tiếp tiếp công dân.

Điều 13. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giữ mối liên hệ với đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện

1. Đôn đốc các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đề đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến nguyện vọng của cử tri.

2 Phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh theo dõi, tổng hợp ý kiến kiến nghị của cử tri do đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chuyển đến các cơ quan nhà nước, tổ chức hữu quan nghiên cứu giải quyết và theo dõi, đôn đốc việc giải quyết; báo cáo trước Hội đồng nhân dân tỉnh những ý kiến, kiến nghị đó và kết quả giải quyết của các cơ quan, tổ chức hữu quan.

3. Tổ chức đề đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nghiên cứu, quán triệt các quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và các văn bản quy phạm pháp luật khác, các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước.

4. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện chính sách, chế độ đối với đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có thể tổ chức giao ban, hội nghị trao đổi kinh nghiệm giữa Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh với Thường trực HĐND cấp huyện.

Chương IV

CÁC BAN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 14. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh là cơ quan của Hội đồng nhân dân tỉnh, có nhiệm vụ thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh, kiểm tra, giám sát, kiến nghị về những vấn đề thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021 thành lập 04 Ban, gồm: Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội và Ban Dân tộc.

Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh gồm có Trưởng Ban, không quá hai Phó Trưởng Ban và các Ủy viên. Số lượng Ủy viên của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định. Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh có thể là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách; Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

3. Các thành viên của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban trước Hội đồng nhân dân tỉnh và chịu trách nhiệm cá nhân trước Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ, quyền hạn được Ban phân công.

Điều 15. Các lĩnh vực phụ trách của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm trong các lĩnh vực thi hành Hiến pháp và pháp luật, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng chính quyền địa phương và quản lý địa giới hành chính ở địa phương.

2. Ban Văn hóa - Xã hội của Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, thông tin, thể dục, thể thao và chính sách tôn giáo ở địa phương.

3. Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm trong các lĩnh vực kinh tế, ngân sách, đô thị, giao thông, nông nghiệp, lâm nghiệp, điện, xây dựng, khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

4. Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm trong lĩnh vực dân tộc ở địa phương.

Điều 16. Nhiệm vụ quyền hạn của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh liên quan đến lĩnh vực phụ trách.

2. Thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án liên quan đến lĩnh vực phụ trách do Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công.

3. Giúp Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát hoạt động của Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh; giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trong các lĩnh vực phụ trách; giám sát văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi phụ trách.

4. Tổ chức khảo sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực phụ trách do Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công.

5. Báo cáo kết quả hoạt động giám sát với Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân tỉnh; trong thời gian Hội đồng nhân dân tỉnh không họp thì báo cáo công tác trước Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 17. Quan hệ phối hợp công tác của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp công tác và trao đổi kinh nghiệm hoạt động về những vấn đề có liên quan.

2. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Ban của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khi các cơ quan này về công tác ở địa phương.

3. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh cử thành viên tham gia hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 18. Thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Để chuẩn bị cho việc thẩm tra, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh cử thành viên tham gia nghiên cứu dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án; yêu cầu cơ quan soạn thảo và các cơ quan hữu quan cung cấp tài liệu và trình bày về vấn đề mà Ban thẩm tra; tổ chức họp lấy ý kiến của những người am hiểu về vấn đề đó; khảo sát tình hình thực tế tại địa phương về những nội dung liên quan đến dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án.

2. Việc thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Đại diện cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình bày;

b) Đại diện cơ quan, tổ chức hữu quan phát biểu ý kiến;

c) Các thành viên của Ban thảo luận;

d) Đại diện cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án phát biểu ý kiến nếu thấy cần thiết;

đ) Chủ tọa cuộc họp kết luận.

3. Báo cáo thẩm tra cần đánh giá về sự phù hợp của dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; nêu rõ quan điểm và đề xuất phương án xử lý đối với những nội dung còn có ý kiến khác nhau.

Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban:

a) Chỉ đạo, điều hành công việc của Ban; thay mặt Ban ký các văn bản do Ban phát hành.

b) Chỉ đạo việc chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc và chủ trì cuộc họp của Ban, chỉ đạo công tác chuyên môn của Ban.

c) Giữ mối liên hệ với các thành viên của Ban và thay mặt Ban giữ mối liên hệ với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và các Ban khác của Hội đồng nhân dân tỉnh, các cơ quan tổ chức ở địa phương và Trung ương đóng trên địa bàn.

d) Báo cáo kết quả hoạt động của Ban với Hội đồng nhân dân tỉnh, với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh.

đ) Thay mặt Ban tham dự các cuộc họp bàn về lĩnh vực Ban phụ trách do Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan hữu quan mời.

e) Tổ chức hoạt động giám sát, khảo sát của Ban.

g) Trình bày báo cáo thẩm tra, báo cáo kết quả giám sát tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Trưởng Ban:

a) Giúp Trưởng Ban thực hiện nhiệm vụ và được phân công phụ trách một số công việc của Ban; khi Trưởng Ban vắng mặt thì một Phó Trưởng Ban được Trưởng Ban ủy quyền điều hành công việc của Ban.

b) Được quyền ký các văn bản của Ban và tổ chức hoạt động của Ban khi Trưởng Ban phân công.

c) Các Phó Trưởng Ban chuyên trách theo lĩnh vực được phân công, chủ động giải quyết công việc của Ban trong phạm vi thẩm quyền được phân công; định kỳ chủ động báo cáo công việc đã thực hiện và dự kiến nhiệm vụ thời gian tới cho Trưởng Ban.

Điều 20. Xây dựng và thực hiện Chương trình công tác hàng năm

1. Căn cứ chương trình hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh và của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh chủ động xây dựng chương trình công tác của mình.

2. Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh họp ít nhất mỗi quý một lần để kiểm điểm việc thực hiện chương trình công tác của Ban, bàn công tác tháng, quý và phân công nhiệm vụ cho các thành viên của Ban. Thành viên của Ban có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban, trong trường hợp không thể tham dự được thì phải báo cáo với Trưởng Ban.

Chương V

ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 21. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân trong tỉnh, chịu trách nhiệm trước cử tri địa phương và trước Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu của mình.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm chấp hành tốt nội quy các kỳ họp, tham dự đầy đủ các kỳ họp, cũng như các phiên họp, phiên thảo luận của Hội đồng nhân dân tỉnh và của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; dự cuộc họp các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh mà đại biểu là thành viên.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động không chuyên trách phải dành ít nhất một phần ba thời gian làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 22. Cơ chế hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được bầu ở một hoặc nhiều đơn vị bầu cử hợp thành Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Số lượng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, Tổ trưởng và Tổ phó của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định. Tổ trưởng điều hành công việc của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, Tổ phó giúp Tổ trưởng thực hiện những việc được phân công.

2. Khi đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chuyển công tác hoặc nơi cư trú đến huyện, thành, thị khác trong tỉnh, đại biểu đó có thể chuyển sinh hoạt Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân nơi mình đang sinh hoạt đến Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nơi mình công tác hoặc cư trú. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phải gửi đơn chuyển sinh hoạt Tổ đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc chuyển sinh hoạt Tổ của đại biểu và thông báo tới Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nơi đại biểu chuyển đi và nơi đại biểu chuyển đến sinh hoạt.

Điều 23. Hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật, văn bản của cơ quan nhà nước và nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc về các vấn đề do Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công.

2. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị đóng góp ý kiến cho kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh; tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp xúc cử tri, thu thập, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước và sau kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh họp ít nhất 01 quý 01 lần để bàn kế hoạch công tác, phân công đại biểu tiếp công dân, tổ chức nghiên cứu pháp luật, chính sách của nhà nước. Thành viên Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có nhiệm vụ tham dự đầy đủ các cuộc họp của Tổ đại biểu, trong trường hợp không thể tham dự được thì đại biểu phải báo cáo với Tổ trưởng Tổ đại biểu. Các cuộc họp Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phải được ghi thành biên bản và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (qua Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh).

Điều 24. Trách nhiệm tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp Hội đồng nhân dân tỉnh, tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không tham dự kỳ họp, phiên họp thì phải có lý do và phải báo cáo trước với Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không tham dự các kỳ họp liên tục trong 01 năm mà không có lý do thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phải báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh để bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đó.

Điều 25. Trách nhiệm tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phải liên hệ chặt chẽ với cử tri ở đơn vị bầu cử bầu ra mình, chịu sự giám sát của cử tri, có trách nhiệm thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của cử tri; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cử tri; thực hiện chế độ tiếp xúc cử tri và ít nhất mỗi năm một lần báo cáo với cử tri về hoạt động của mình và của Hội đồng nhân dân tỉnh, trả lời những yêu cầu và kiến nghị của cử tri.

2. Sau mỗi kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm báo cáo với cử tri về kết quả của kỳ họp, phổ biến và giải thích các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, vận động và cùng với Nhân dân thực hiện các nghị quyết đó.

Điều 26. Trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm tiếp công dân theo quy định của pháp luật.

2. Khi nhận được khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm nghiên cứu, kịp thời chuyển đến người có thẩm quyền giải quyết và thông báo cho người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị biết; đôn đốc, theo dõi và giám sát việc giải quyết. Người có thẩm quyền giải quyết phải thông báo cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân trong thời hạn do pháp luật quy định.

3. Trong trường hợp xét thấy việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị không đúng pháp luật, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền gặp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị hữu quan để tìm hiểu, yêu cầu xem xét lại; khi cần thiết, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó giải quyết.

Điều 27. Quyền chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh. Người bị chất vấn phải trả lời về những vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chất vấn.

2. Trong thời gian Hội đồng nhân dân tỉnh họp, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh gửi chất vấn đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Người bị chất

vấn phải trả lời trước Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp đó. Trong trường hợp cần điều tra, xác minh thì Hội đồng nhân dân tỉnh có thể quyết định cho trả lời tại kỳ họp sau của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc cho trả lời bằng văn bản gửi đến đại biểu đã chất vấn và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh .

3. Trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để chuyển đến người bị chất vấn và quyết định thời hạn trả lời chất vấn.

Điều 28. Quyền kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu, tổ chức phiên họp bất thường của Hội đồng nhân dân tỉnh và kiến nghị về những vấn đề khác mà đại biểu thấy cần thiết.

2. Kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được gửi bằng văn bản đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, trong đó nêu rõ lý do, nội dung kiến nghị.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, xử lý các kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo thẩm quyền và báo cáo Hội đồng nhân dân trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này hoặc trong trường hợp khác mà Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xét thấy cần thiết.

3. Trường hợp có từ một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trở lên kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm đối với một người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu, kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh họp bất thường hoặc họp kín thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo để Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

4. Số lượng kiến nghị cần thiết quy định tại khoản 3 Điều này là tổng số kiến nghị mà Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp nhận được trong khoảng thời gian từ ngày khai mạc kỳ họp này đến trước ngày khai mạc kỳ họp tiếp theo hoặc đến trước ngày tiến hành phiên họp Hội đồng nhân dân tỉnh về nội dung có liên quan trong trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức phiên họp kín.

5. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền kiến nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân áp dụng biện pháp cần thiết để thực hiện Hiến pháp, pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước, quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Điều 29. Quyền của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật

1. Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức hữu quan thi hành những biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tại khoản 1 điều này, cơ quan, tổ chức phải giải quyết và thông báo bằng văn bản cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh biết. Quá thời hạn này mà cơ quan, tổ chức không trả lời thì đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên xem xét, giải quyết.

Điều 30. Quyền của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc yêu cầu cung cấp thông tin

1. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có trách nhiệm trả lời những vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Quyền miễn trừ của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Không được bắt, giam, giữ, khởi tố đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, khám xét nơi ở và nơi làm việc của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nếu không có sự đồng ý của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc trong thời gian Hội đồng nhân dân tỉnh không họp, không có sự đồng ý của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh bị tạm giữ vì phạm tội quá tang thì cơ quan tạm giữ phải lập tức báo cáo để Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 32. Thôi làm nhiệm vụ đại biểu, tạm đình chỉ và mất quyền đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Trong nhiệm kỳ, nếu đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không còn công tác và không cư trú tại đơn vị hành chính mà mình đang là đại biểu thì phải xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có thể đề nghị thôi làm nhiệm vụ đại biểu vì lý do sức khỏe hoặc vì lý do khác.

Việc chấp nhận đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thôi làm nhiệm vụ đại biểu do Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh bị khởi tố bị can thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân đó.

Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được trở lại thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu và khôi phục các lợi ích hợp pháp khi cơ quan có thẩm quyền đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án đối với đại biểu đó hoặc kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật tuyên đại biểu đó không có tội hoặc được miễn trách nhiệm hình sự.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh bị kết tội bằng bản án, quyết định của Tòa án thì đương nhiên mất quyền đại biểu Hội đồng nhân dân kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đã thôi làm nhiệm vụ đại biểu hoặc bị mất quyền đại biểu thì đương nhiên thôi đảm nhiệm các chức vụ trong Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân.

Điều 33. Việc bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân thì bị Hội đồng nhân dân hoặc cử tri bãi nhiệm.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc đưa ra Hội đồng nhân dân tỉnh bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc theo đề nghị của Ủy Ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh đưa ra để cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Trong trường hợp Hội đồng nhân dân tỉnh bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thì việc bãi nhiệm phải được ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết tán thành.

4. Trong trường hợp cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thì việc bãi nhiệm được tiến hành theo trình tự do Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định.

Chương VI

KỶ HỌP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 34. Kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Hội đồng nhân dân tỉnh họp mỗi năm ít nhất hai kỳ.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh họp bất thường khi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu.

3. Hội đồng nhân dân tỉnh họp công khai. Trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thì Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định họp kín.

Điều 35. Triệu tập và thông báo kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định triệu tập và gửi dự kiến chương trình kỳ họp thường lệ chậm nhất là 20 ngày, kỳ họp bất thường chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

2. Chậm nhất là 40 ngày trước ngày tiến hành kỳ họp thường lệ, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì họp với Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các phó Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và

các cơ quan có liên quan đề dự kiến nội dung kỳ họp, những vấn đề khác có liên quan đến kỳ họp và giao cho các cơ quan, tổ chức hữu quan chuẩn bị.

3. Chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, dự thảo Nghị quyết, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp phải được gửi tới Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Chậm nhất 07 ngày trước ngày khai mạc, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chuyển bản tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri đến Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan nhà nước hữu quan để nghiên cứu trả lời, giải trình những vấn đề bức xúc trước Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

5. Chậm nhất 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân tỉnh, báo cáo thẩm tra của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các tài liệu cần thiết khác.

6. Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ hoặc 03 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp bất thường, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thông báo thời gian, địa điểm và dự kiến chương trình kỳ họp trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương.

7. Chương trình kỳ họp do Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trước khi khai mạc kỳ họp theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 36. Khách mời tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm gửi giấy mời và những văn bản cần thiết có liên quan đến kỳ họp tới đại biểu Quốc hội được bầu tại địa phương, đại diện Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ.

2. Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh không phải là đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được mời tham dự các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh; có trách nhiệm tham dự các phiên họp toàn thể của Hội đồng nhân dân tỉnh khi thảo luận về những vấn đề có liên quan đến ngành, lĩnh vực mà mình phụ trách. Người được mời tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh được phát biểu ý kiến về vấn đề thuộc ngành, lĩnh vực mà mình phụ trách nếu được chủ tọa phiên họp đồng ý hoặc có trách nhiệm phát biểu ý kiến theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc chủ tọa phiên họp.

3. Đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội được mời tham dự các phiên họp công khai của Hội đồng nhân dân tỉnh khi bàn về các vấn đề có liên quan.

4. Đại diện đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, khách quốc tế, cơ quan báo chí và công dân có thể được tham dự các phiên họp công khai của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 37. Nội dung kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Tại kỳ họp thường lệ, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình nêu tại Điều 4 Quy chế này; nghe Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo tổng hợp ý kiến kiến nghị của cử tri, thông báo kết quả thực hiện chương trình và kế hoạch giám sát; nghe Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri; nghe Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh thông báo công tác tham gia xây dựng chính quyền và những ý kiến, kiến nghị của Nhân dân; xem xét báo cáo hoạt động của Thường trực, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh và báo cáo công tác của Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh; xem xét việc trả lời chất vấn.

2. Kỳ họp cuối nhiệm kỳ được tiến hành chậm nhất là 30 ngày trước ngày bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khóa mới. Tại kỳ họp này, ngoài các báo cáo như kỳ họp thường lệ, Hội đồng nhân dân, Thường trực, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ hoạt động của mình.

Điều 38. Trình tự phát biểu ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại phiên họp toàn thể

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đăng ký phát biểu; chủ tọa mời từng đại biểu phát biểu.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phát biểu tập trung vào vấn đề đang thảo luận, không phát biểu quá 02 lần về cùng một vấn đề; thời gian phát biểu không quá 10 phút. Trong trường hợp Hội đồng nhân dân tỉnh cần thảo luận thêm thì thời gian và số lần phát biểu do chủ tọa kỳ họp quyết định.

3. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đã đăng ký mà chưa được phát biểu hoặc đã phát biểu nhưng chưa hết ý kiến do thời gian phát biểu đã hết thì ghi lại ý kiến của mình và gửi cho thư ký kỳ họp để tổng hợp.

Điều 39. Biểu quyết tại phiên họp toàn thể của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định các vấn đề tại phiên họp toàn thể bằng hình thức biểu quyết. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không biểu quyết. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không được biểu quyết thay cho đại biểu Hội đồng nhân dân khác.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định áp dụng một trong các hình thức biểu quyết sau đây:

- a) Biểu quyết công khai;
- b) Bỏ phiếu kín.

3. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh được thông qua khi có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết tán thành; riêng nghị quyết

về bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được thông qua khi có ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết tán thành.

4. Trường hợp cần biểu quyết lại một vấn đề đã được Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết thông qua thì chủ tọa kỳ họp tự mình hoặc theo đề nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, cơ quan, tổ chức trình dự thảo Nghị quyết, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc biểu quyết lại.

Điều 40. Nhiệm vụ của thư ký kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Lập danh sách đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có mặt, vắng mặt trong các phiên họp và trong kỳ họp.

2. Ghi biên bản phiên họp, kỳ họp.

3. Tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác ý kiến phát biểu của đại biểu tại cuộc họp tổ đại biểu và phiên họp toàn thể.

4. Giúp chủ tọa kỳ họp trong việc điều hành thảo luận và biểu quyết.

5. Giúp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các cơ quan hữu quan chính lý dự thảo Nghị quyết và các văn bản khác để trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Giúp chủ tọa kỳ họp cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền về kỳ họp.

Điều 41. Trình tự thông qua dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Đại diện cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo thuyết trình trước Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Đại diện Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh được giao thẩm tra dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo trình bày báo cáo thẩm tra.

3. Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận. Trước khi thảo luận, Hội đồng nhân dân tỉnh có thể tổ chức thảo luận ở Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Trong quá trình thảo luận tại phiên họp toàn thể, chủ tọa có thể nêu những vấn đề còn có ý kiến khác nhau để Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu cơ quan hữu quan báo cáo giải trình về những vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân quan tâm.

5. Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo bằng cách biểu quyết từng vấn đề, sau đó biểu quyết toàn bộ hoặc biểu quyết toàn bộ một lần.

Điều 42. Ban hành nghị quyết, đề án, báo cáo, biên bản của kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh do Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc chủ tọa kỳ họp ký chứng thực.

2. Biên bản kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh do Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc chủ tọa kỳ họp ký tên.

3. Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp, nghị quyết, đề án, báo cáo, biên bản của kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh phải được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh gửi lên Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ.

4. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phải được gửi đến các cơ quan, tổ chức hữu quan để thực hiện. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân được đăng công báo của tỉnh, đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương, niêm yết và lưu trữ theo quy định của pháp luật.

Chương VII

HOẠT ĐỘNG TIẾP XÚC CỬ TRI VÀ HOẠT ĐỘNG TIẾP CÔNG DÂN CỦA ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

MỤC 1

HOẠT ĐỘNG TIẾP XÚC CỬ TRI CỦA ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 43. Tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp

1. Chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh có trách nhiệm tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp xúc cử tri để thu thập ý kiến nguyện vọng, kiến nghị của cử tri với Hội đồng nhân dân tỉnh và với các cơ quan liên quan khác ở địa phương.

Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri để gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Chậm nhất 15 ngày sau ngày bế mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp xúc cử tri để báo cáo kết quả kỳ họp, kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri.

3. Mỗi năm 01 lần vào cuối năm kết hợp với tiếp xúc cử tri, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo với cử tri ở đơn vị bầu ra mình về kết quả hoạt động trong năm của mình. Cử tri có thể thông qua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc hoặc trực tiếp trình bày ý kiến nhận xét của mình tại Hội nghị tiếp xúc cử tri về hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh và của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có thể tiếp xúc cử tri nơi cư trú, nơi làm việc đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc người đứng đầu địa phương, cơ quan đơn vị để được hỗ trợ tổ chức tiếp xúc cử tri.

Điều 44. Kế hoạch tiếp xúc cử tri

1. Căn cứ chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh, tình hình thực tế ở địa phương; Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh xây dựng kế hoạch tiếp xúc cử tri hàng năm.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh gửi kế hoạch tiếp xúc cử tri đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đồng thời thông báo cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện và các cơ quan đơn vị nơi tiếp xúc cử tri để thực hiện.

Điều 45. Nội dung, trình tự tại Hội nghị tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Ủy ban Mặt trận tổ quốc cấp tổ chức tiếp xúc cử tri hoặc đại diện Ban chấp hành Công đoàn nếu là cơ quan, chủ trì hội nghị, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, chương trình nội dung hội nghị và cử thư ký ghi biên bản hội nghị.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo chương trình nội dung kỳ họp đối với hội nghị tiếp xúc trước kỳ họp; kết quả kỳ họp và kết quả giải quyết ý kiến kiến nghị của cử tri đối với hội nghị tiếp xúc cử tri sau kỳ họp; báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh ở tỉnh.

3. Cử tri phát biểu ý kiến.

4. Đại diện Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan tổ chức hữu quan phát biểu trả lời những vấn đề cử tri nêu lên thuộc thẩm quyền giải quyết của mình.

5. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phát biểu, tiếp thu ý kiến, kiến nghị của cử tri.

6. Kết thúc hội nghị tiếp xúc cử tri.

Điều 46. Phân loại ý kiến, kiến nghị cử tri

1. Sau mỗi đợt tiếp xúc cử tri, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tổ chức tiếp xúc cử tri, nếu ở cấp xã thì phối hợp với Ban công tác mặt trận nơi đại biểu được mời để chuẩn bị báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri để gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày kết thúc đợt tiếp xúc cử tri.

2. Sau đợt tiếp xúc cử tri, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phân loại ý kiến, kiến nghị của cử tri như sau:

a) Ý kiến, kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức cấp tỉnh được tổng hợp và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh.

b) Ý kiến, kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan tổ chức cấp huyện, cấp xã được tổng hợp và gửi đến cơ quan tổ chức đó để giải

quyết; đồng thời gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện, cấp xã.

c) Ý kiến, kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức ở Trung ương được tổng hợp và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh.

MỤC 2

HOẠT ĐỘNG TIẾP CÔNG DÂN CỦA ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 47. Trách nhiệm tiếp công dân của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp công dân theo quy định của pháp luật.

2. Việc tiếp công dân của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được quy định như sau:

a) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh sắp xếp lịch tiếp công dân của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện việc tiếp công dân theo lịch tiếp công dân đã được công bố.

Trường hợp không thể thực hiện được công việc tiếp công dân theo lịch tiếp công dân đã được công bố do có lý do chính đáng thì đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm thông báo đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để điều chỉnh lịch, đồng thời dự kiến thời gian cụ thể thực hiện việc tiếp công dân.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh công tác có trách nhiệm tạo điều kiện để đại biểu có thời gian tiếp công dân, nhận đơn, chuyên đơn, đôn đốc, theo dõi việc giải quyết khiếu nại tố cáo, kiến nghị của công dân.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp công dân nhằm thu thập ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của công dân, giải thích tuyên truyền chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cho công dân; hướng dẫn giúp đỡ công dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo và nhận đơn thư của công dân để chuyển đến cơ quan, tổ chức cá nhân có trách nhiệm giải quyết.

Điều 48. Tổng hợp, đôn đốc việc giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp công dân phải tổng hợp ý kiến, kiến nghị, đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân để báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giúp Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, đôn đốc việc giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân, phản ánh của các cơ quan thông tin đại chúng.

Chương VIII

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH, THƯỜNG TRỰC, CÁC BAN, TỔ ĐẠI BIỂU, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

MỤC I

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 49. Các hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Xem xét báo cáo công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cục Thi hành án dân sự tỉnh và các báo cáo khác theo quy định tại điều 51 của Quy chế này.

2. Xem xét việc trả lời chất vấn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành viên khác của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Giám sát chuyên đề.

5. Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu.

6. Thành lập Đoàn giám sát về một vấn đề nhất định khi xét thấy cần thiết và xem xét kết quả giám sát của Đoàn giám sát.

Điều 50. Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh dự kiến chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng nhân dân tỉnh trên cơ sở đề nghị của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và kiến nghị của cử tri ở địa phương trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tại kỳ họp giữa năm của năm trước.

Chậm nhất là ngày 01 tháng 3 của năm trước, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và cử tri gửi đề nghị, kiến nghị giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Đề nghị, kiến nghị giám sát phải nêu rõ sự cần thiết, nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát.

Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh tập hợp, tổng hợp đề nghị, kiến nghị giám sát và báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận và lập dự kiến chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chương trình giám sát hằng năm theo trình tự sau đây:

a) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình bày tờ trình về dự kiến chương trình giám sát;

b) Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận;

c) Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết thông qua chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, trừ trường hợp quy định tại điều 54 của Quy chế này.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp giữa năm sau của Hội đồng nhân dân.

Điều 51. Xem xét báo cáo

1. Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét các báo cáo sau đây:

a) Báo cáo công tác 06 tháng, hằng năm của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh;

b) Báo cáo công tác nhiệm kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;

c) Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về kinh tế - xã hội; báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện ngân sách nhà nước, quyết toán ngân sách nhà nước của tỉnh; báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác phòng, chống tham nhũng; báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cử tri;

d) Báo cáo về việc thi hành pháp luật trong một số lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật;

đ) Báo cáo khác theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thời điểm xem xét báo cáo được quy định như sau:

a) Tại kỳ họp giữa năm và cuối năm, Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thảo luận các báo cáo quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều này;

b) Tại kỳ họp cuối nhiệm kỳ, Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thảo luận các báo cáo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Thời điểm xem xét các báo cáo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều này theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra các báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này, trừ báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Hội đồng nhân dân xem xét, thảo luận báo cáo theo trình tự sau đây:

a) Người đứng đầu cơ quan có báo cáo trình bày báo cáo;

b) Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trình bày báo cáo thẩm tra;

c) Người đứng đầu cơ quan có báo cáo có thể trình bày bổ sung những vấn đề có liên quan mà Hội đồng nhân dân tỉnh quan tâm;

d) Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận;

đ) Hội đồng nhân dân tỉnh có thể ra nghị quyết về công tác của cơ quan có báo cáo.

5. Nghị quyết về công tác của cơ quan có báo cáo phải có những nội dung cơ bản sau đây:

a) Đánh giá kết quả đạt được, những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của hạn chế, bất cập; trách nhiệm của cơ quan có báo cáo và người đứng đầu;

b) Thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập;

c) Trách nhiệm thi hành của cơ quan, cá nhân;

d) Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết về giám sát.

Điều 52. Chất vấn và xem xét trả lời chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Trước phiên họp chất vấn, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh ghi vấn đề chất vấn, người bị chất vấn vào phiếu chất vấn và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Căn cứ vào chương trình kỳ họp, ý kiến, kiến nghị của cử tri, vấn đề xã hội quan tâm và phiếu chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn.

3. Hoạt động chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nêu chất vấn, có thể cung cấp thông tin minh họa bằng hình ảnh, video, vật chứng cụ thể;

b) Người bị chất vấn phải trả lời trực tiếp, đầy đủ vào vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đã chất vấn, không được ủy quyền cho người khác trả lời thay; xác định rõ trách nhiệm, biện pháp và thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập (nếu có);

c) Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền chất vấn lại để người bị chất vấn trả lời;

d) Những người khác có thể được mời tham dự phiên họp và trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh về vấn đề thuộc trách nhiệm của mình.

Thời gian nêu chất vấn, thời gian trả lời chất vấn do Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

4. Hội đồng nhân dân tỉnh cho trả lời chất vấn bằng văn bản trong các trường hợp sau đây:

a) Chất vấn không thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại kỳ họp;

b) Vấn đề chất vấn cần được điều tra, xác minh;

c) Chất vấn thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại kỳ họp nhưng chưa được trả lời tại kỳ họp.

Người bị chất vấn phải trực tiếp trả lời bằng văn bản. Văn bản trả lời chất vấn được gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đã chất vấn, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày chất vấn.

Sau khi nhận được văn bản trả lời chất vấn, nếu đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh đưa ra thảo luận tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét trách nhiệm đối với người bị chất vấn.

5. Hội đồng nhân dân tỉnh có thể ra nghị quyết về chất vấn. Nghị quyết về chất vấn bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

a) Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người bị chất vấn, những hạn chế, bất cập và nguyên nhân liên quan đến vấn đề chất vấn;

b) Thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập;

c) Trách nhiệm thi hành của cơ quan, cá nhân;

d) Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết về chất vấn.

6. Phiên họp chất vấn tại Hội đồng nhân dân tỉnh được phát thanh, truyền hình trực tiếp, trừ trường hợp do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

7. Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, người đã trả lời chất vấn có trách nhiệm gửi báo cáo về việc thực hiện nghị

quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chất vấn, các vấn đề đã hứa tại kỳ họp trước đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để chuyển đến các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 53. Xem xét văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của mình theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều này theo trình tự sau đây:

- a) Đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình bày tờ trình;
- b) Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận.
- c) Người đứng đầu cơ quan đã ban hành văn bản quy phạm pháp luật trình bày bổ sung những vấn đề có liên quan;
- d) Hội đồng nhân dân tỉnh ra nghị quyết về việc xem xét văn bản.

3. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phải xác định văn bản quy phạm pháp luật trái hoặc không trái với Hiến pháp, luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; trường hợp văn bản quy phạm pháp luật trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thì quyết định bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản đó.

Điều 54. Giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Căn cứ chương trình giám sát, Hội đồng nhân dân tỉnh ra nghị quyết thành lập Đoàn giám sát chuyên đề theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thành lập Đoàn giám sát phải xác định rõ đối tượng, phạm vi, nội dung, kế hoạch giám sát, thành phần Đoàn giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Đoàn giám sát do Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh làm Trưởng đoàn, các thành viên khác gồm thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, đại diện Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và một số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, tổ chức thành viên của Mặt trận có thể được mời tham gia Đoàn giám sát.

2. Đoàn giám sát có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Xây dựng đề cương báo cáo để cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo;

b) Thông báo nội dung, kế hoạch, đề cương báo cáo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh ra nghị quyết thành lập Đoàn giám sát; thông báo chương trình và thành phần Đoàn giám sát chậm nhất là 10 ngày trước ngày Đoàn tiến hành làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát;

c) Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát;

d) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát, giải trình vấn đề mà Đoàn giám sát quan tâm;

đ) Xem xét, xác minh, mời chuyên gia tư vấn về vấn đề mà Đoàn giám sát xét thấy cần thiết;

e) Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì Đoàn giám sát có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật;

g) Khi kết thúc hoạt động giám sát, Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát để Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét tại kỳ họp gần nhất.

Trước khi báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh, Đoàn giám sát báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả giám sát.

3. Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét báo cáo của Đoàn giám sát theo trình tự sau đây:

a) Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát;

b) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo, giải trình;

c) Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận.

Trong quá trình thảo luận, đại diện Đoàn giám sát có thể trình bày bổ sung về những vấn đề liên quan;

d) Hội đồng nhân dân tỉnh ra nghị quyết về vấn đề được giám sát. Nghị quyết giám sát chuyên đề có những nội dung cơ bản sau đây:

- Đánh giá kết quả đạt được, những hạn chế, bất cập và nguyên nhân hạn chế, bất cập liên quan đến chuyên đề giám sát; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và người đứng đầu cơ quan, tổ chức có liên quan;

- Thời gian khắc phục hạn chế, bất cập;

- Trách nhiệm thi hành của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

- Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết.

4. Nghị quyết giám sát được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 55. Hội đồng nhân dân tỉnh lấy phiếu tín nhiệm

1. Hội đồng nhân dân tỉnh lấy phiếu tín nhiệm đối với những người giữ các chức vụ sau đây:

a) Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Việc lấy phiếu tín nhiệm được thực hiện tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh theo trình tự sau đây:

a) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định danh sách những người được lấy phiếu tín nhiệm;

b) Hội đồng nhân dân tỉnh lấy phiếu tín nhiệm bằng cách bỏ phiếu kín;

c) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua nghị quyết xác nhận kết quả lấy phiếu tín nhiệm.

3. Người được lấy phiếu tín nhiệm có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đánh giá tín nhiệm thấp thì có thể xin từ chức.

Người được lấy phiếu tín nhiệm có từ hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trở lên đánh giá tín nhiệm thấp thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm.

4. Ngoài quy định tại điều này, thời hạn, thời điểm, trình tự lấy phiếu tín nhiệm đối với người được Hội đồng nhân dân tỉnh bầu được thực hiện theo nghị quyết của Quốc hội.

Điều 56. Hội đồng nhân dân tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm

1. Hội đồng nhân dân tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu trong các trường hợp sau đây:

a) Khi có kiến nghị của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Khi có kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;

c) Người được lấy phiếu tín nhiệm có từ hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trở lên đánh giá tín nhiệm thấp.

2. Việc bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu được thực hiện tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh theo trình tự sau đây:

a) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm;

- b) Người được đưa ra bỏ phiếu tín nhiệm trình bày ý kiến của mình;
- c) Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận;
- d) Hội đồng nhân dân tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm bằng cách bỏ phiếu kín;
- đ) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua nghị quyết xác nhận kết quả bỏ phiếu tín nhiệm.

3. Người được bỏ phiếu tín nhiệm có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đánh giá không tín nhiệm thì có thể xin từ chức; trường hợp không từ chức thì cơ quan hoặc người có thẩm quyền giới thiệu người đó để Hội đồng nhân dân tỉnh bầu có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với người đó.

4. Ngoài quy định tại điều này, trình tự bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu được thực hiện theo nghị quyết của Quốc hội.

Điều 57. Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc xem xét kết quả giám sát

Căn cứ vào kết quả giám sát, Hội đồng nhân dân tỉnh có thẩm quyền sau đây:

- 1. Bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện.
- 2. Ra nghị quyết về chất vấn;
- 3. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh;
- 4. Giải tán Hội đồng nhân dân cấp huyện trong trường hợp Hội đồng nhân dân đó làm thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của Nhân dân.

MỤC II HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 58. Các hoạt động giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

- 1. Xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.
- 2. Xem xét việc trả lời chất vấn của những người bị chất vấn quy định tại khoản 2, điều 49 của Quy chế này.
- 3. Giám sát chuyên đề.

4. Tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.
5. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.
6. Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri.
7. Giám sát việc thực hiện kết luận chất vấn tại kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.
8. Giám sát việc thực hiện kiến nghị sau giám sát chuyên đề của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 59. Chương trình giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chương trình giám sát hằng năm của mình căn cứ vào chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, đề nghị của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và ý kiến, kiến nghị của cử tri ở địa phương.

Chậm nhất là 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị giám sát đưa vào chương trình giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Đề nghị giám sát phải nêu rõ sự cần thiết, nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát.

Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh tập hợp, tổng hợp đề nghị chương trình giám sát để trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Chương trình giám sát hằng năm được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp cuối năm trước của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định chương trình giám sát hằng năm theo trình tự sau đây:

- a) Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh trình dự kiến chương trình giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- b) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận;
- c) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chương trình giám sát.

3. Căn cứ vào chương trình giám sát đã được thông qua, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung trong chương trình; giao các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện một số nội dung thuộc chương trình và báo cáo kết quả với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh khi cần thiết.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát hằng năm của mình với Hội đồng nhân dân tỉnh vào kỳ họp giữa năm của năm sau.

Điều 60. Xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Khi phát hiện văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Theo đề nghị của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;

c) Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh.

2. Ban pháp chế của Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm thẩm tra đề nghị về văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp.

Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp thẩm tra đề nghị về văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực phụ trách.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều này theo trình tự sau đây:

a) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có đề nghị trình bày;

b) Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trình bày báo cáo thẩm tra;

c) Đại diện cơ quan, tổ chức được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;

d) Người đứng đầu cơ quan đã ban hành văn bản quy phạm pháp luật báo cáo, giải trình;

đ) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận;

e) Chủ tọa cuộc họp kết luận.

4. Khi xét thấy văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền yêu cầu cơ quan ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản; trường hợp cơ quan ban hành văn bản không thực hiện yêu cầu

thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 61. Chất vấn và xem xét trả lời chất vấn tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh ghi vấn đề chất vấn, người bị chất vấn vào phiếu chất vấn và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ vào chương trình phiên họp, ý kiến, kiến nghị của cử tri, vấn đề xã hội quan tâm và phiếu chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định nhóm vấn đề chất vấn, người bị chất vấn, thời gian chất vấn.

2. Hoạt động chất vấn tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh được tiến hành theo trình tự sau đây:

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nêu chất vấn, có thể cung cấp thông tin minh họa bằng hình ảnh, video, vật chứng cụ thể;

b) Người bị chất vấn phải trả lời trực tiếp, đầy đủ vào vấn đề mà đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đã chất vấn, không được ủy quyền cho người khác trả lời thay; xác định rõ trách nhiệm, biện pháp và thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập (nếu có);

c) Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền chất vấn lại để người bị chất vấn trả lời;

d) Những người khác có thể được mời tham dự phiên họp và trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh về vấn đề thuộc trách nhiệm của mình.

Thời gian nêu chất vấn, thời gian trả lời chất vấn do Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh quy định.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho trả lời chất vấn bằng văn bản trong trường hợp sau đây:

a) Chất vấn không thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại phiên họp;

b) Vấn đề chất vấn cần được điều tra, xác minh;

c) Chất vấn thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại phiên họp nhưng chưa được trả lời tại phiên họp.

Người bị chất vấn phải trực tiếp trả lời bằng văn bản. Văn bản trả lời chất vấn được gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đã chất vấn, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày chất vấn.

Sau khi nhận được văn bản trả lời chất vấn, nếu đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không đồng ý với nội dung trả lời thì có quyền đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đưa ra thảo luận tại phiên họp Thường trực Hội đồng

nhân dân tỉnh hoặc kiến nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét trách nhiệm đối với người bị chất vấn.

Điều 62. Giám sát chuyên đề của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Căn cứ vào chương trình giám sát, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thành lập Đoàn giám sát chuyên đề.

Quyết định thành lập Đoàn giám sát phải xác định rõ đối tượng, phạm vi, nội dung, kế hoạch giám sát, thành phần Đoàn giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Đoàn giám sát do một Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh làm Trưởng đoàn, các thành viên khác gồm đại diện của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và một số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, tổ chức thành viên của Mặt trận có thể được mời tham gia Đoàn giám sát.

2. Đoàn giám sát có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Xây dựng đề cương báo cáo để cơ quan, tổ chức chịu sự giám sát báo cáo;
- b) Thông báo nội dung, kế hoạch, đề cương báo cáo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày ra quyết định thành lập Đoàn giám sát; thông báo chương trình và thành phần Đoàn giám sát chậm nhất là 10 ngày trước ngày Đoàn làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát;
- c) Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát;
- d) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát, giải trình vấn đề mà Đoàn giám sát quan tâm;
- đ) Xem xét, xác minh, mời chuyên gia tư vấn về vấn đề mà Đoàn giám sát xét thấy cần thiết;
- e) Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì Đoàn giám sát có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật;
- g) Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát để Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về hoạt động giám sát của mình giữa hai kỳ họp.

Điều 63. Giải trình tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Căn cứ vào chương trình giám sát, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu thành viên của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh giải trình và cá nhân có liên quan tham gia giải trình vấn đề mà Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quan tâm.

Việc tổ chức giải trình, nội dung, kế hoạch tổ chức giải trình và người được yêu cầu giải trình do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Người được yêu cầu có trách nhiệm báo cáo, giải trình theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được mời tham dự và phát biểu ý kiến tại phiên giải trình. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học có thể được mời tham dự và phát biểu ý kiến tại phiên giải trình.

2. Nội dung, kế hoạch tổ chức giải trình tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh được thông báo cho cá nhân được yêu cầu giải trình chậm nhất là 10 ngày trước ngày tiến hành phiên giải trình.

3. Phiên giải trình được tổ chức công khai, trừ trường hợp do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

4. Phiên giải trình được tiến hành theo trình tự sau đây:

- a) Chủ tọa nêu nội dung yêu cầu giải trình, người có trách nhiệm giải trình;
- b) Thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tham dự nêu yêu cầu giải trình;
- c) Người giải trình có trách nhiệm giải trình vấn đề được yêu cầu;
- d) Đại diện cơ quan, tổ chức được mời tham dự phiên giải trình phát biểu ý kiến;
- đ) Chủ tọa tóm tắt nội dung phiên giải trình, dự kiến kết luận vấn đề được giải trình.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua kết luận vấn đề được giải trình; kết luận được thông qua khi có quá nửa tổng số thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết tán thành.

Kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh được gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, người được yêu cầu giải trình và cơ quan, tổ chức có liên quan.

5. Cơ quan, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 64. Báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát

1. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm xem xét báo cáo theo trình tự sau đây:

- a) Trưởng Đoàn giám sát trình bày báo cáo;
- b) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;
- c) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận.

Trong quá trình thảo luận, đại diện Đoàn giám sát có thể trình bày bổ sung những vấn đề có liên quan;

- d) Chủ tọa cuộc họp kết luận.

Kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm theo dõi kết quả giải quyết kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

4. Trong trường hợp cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát tại kỳ họp gần nhất.

Điều 65. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo; tổ chức Đoàn giám sát hoặc giao cho các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo tại địa phương.

2. Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật; trường hợp không đồng ý với việc giải quyết của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó thì yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày ra quyết định giải quyết.

Điều 66. Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri và chuẩn bị báo cáo giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri.

Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri phải được Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét báo cáo việc giải quyết kiến nghị của cử tri theo trình tự sau đây:

- a) Đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh trình bày báo cáo;
- b) Cơ quan thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra;
- c) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;
- d) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận;
- đ) Chủ tọa phiên họp kết luận.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo xây dựng báo cáo giám sát kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri và dự thảo nghị quyết về việc giải quyết kiến nghị của cử tri trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 67. Trách nhiệm của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát

1. Xem xét, cho ý kiến về chương trình, nội dung giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;

2. Yêu cầu Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh kế hoạch giám sát của mình, bảo đảm hoạt động giám sát không bị trùng lặp;

3. Phân công Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện một số nội dung thuộc chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;

4. Hằng quý, tổ chức họp với Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh để phối hợp hoạt động giám sát, đánh giá về tình hình và kết quả hoạt động giám sát;

5. Tổng hợp kết quả giám sát trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

MỤC III

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA CÁC BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 68. Hoạt động giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thẩm tra các báo cáo do Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công.
2. Giám sát quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện.
3. Giám sát chuyên đề.
4. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.
5. Giám sát việc thực hiện kết luận sau giám sát chuyên đề của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 69. Chương trình giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh lập chương trình giám sát hằng năm căn cứ vào chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến các thành viên của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh.
2. Chương trình giám sát hằng năm của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh được Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định vào cuối năm trước. Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện chương trình giám sát; trường hợp cần thiết, chương trình giám sát có thể được điều chỉnh.

Điều 70. Thẩm tra báo cáo

1. Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức họp thẩm tra báo cáo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Quy chế này theo sự phân công của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Việc thẩm tra báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này được tiến hành theo trình tự sau đây:

- a) Người đứng đầu cơ quan có báo cáo trình bày;
- b) Đại diện cơ quan, tổ chức được mời dự phiên họp phát biểu ý kiến;
- c) Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận;
- d) Người đứng đầu cơ quan có báo cáo trình bày, giải trình bổ sung;
- đ) Chủ tọa phiên họp dự kiến kết luận; Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết khi xét thấy cần thiết.

3. Báo cáo thẩm tra của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh được gửi đến Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 71. Giám sát văn bản quy phạm pháp luật

1. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thường xuyên theo dõi việc ban hành quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện.

2. Trường hợp phát hiện văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều này có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thì các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền yêu cầu cơ quan đã ban hành văn bản đó xem xét, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản đó.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan đã ban hành văn bản phải thông báo cho các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh biết việc giải quyết; quá thời hạn này mà không trả lời hoặc giải quyết không đáp ứng với yêu cầu thì các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền kiến nghị với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 72. Giám sát chuyên đề của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Căn cứ vào chương trình giám sát của mình hoặc qua giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, qua phương tiện thông tin đại chúng, ý kiến, kiến nghị của cử tri phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc được Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giao thì các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức Đoàn giám sát của Ban để thực hiện giám sát chuyên đề.

Quyết định thành lập Đoàn giám sát phải xác định rõ phạm vi, đối tượng, nội dung, kế hoạch giám sát, thành phần Đoàn giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Đoàn giám sát do Trưởng Ban hoặc Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh làm Trưởng đoàn, các thành viên khác gồm Ủy viên của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và một số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, tổ chức thành viên của Mặt trận có thể được mời tham gia hoạt động Đoàn giám sát.

2. Đoàn giám sát có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng đề cương báo cáo để cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo;

b) Thông báo nội dung, kế hoạch, đề cương báo cáo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày ra quyết định thành lập Đoàn giám sát; thông báo chương trình và thành phần Đoàn giám sát chậm nhất là 10 ngày trước ngày Đoàn giám sát làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát;

c) Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát;

d) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát, giải trình vấn đề mà Đoàn giám sát quan tâm;

đ) Xem xét, xác minh, mời chuyên gia tư vấn về vấn đề mà Đoàn giám sát xét thấy cần thiết;

e) Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì Đoàn giám sát có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật;

g) Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, Đoàn giám sát phải báo cáo kết quả giám sát với Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 73. Xem xét báo cáo của Đoàn giám sát

1. Căn cứ vào tính chất, nội dung của vấn đề được giám sát, Ban tổ chức phiên họp để xem xét, thảo luận về báo cáo của Đoàn giám sát theo trình tự sau đây:

a) Trưởng Đoàn giám sát trình bày báo cáo;

b) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;

c) Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận;

d) Chủ tọa phiên họp kết luận; Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết khi xét thấy cần thiết.

2. Báo cáo kết quả giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh phải nêu rõ kiến nghị về các biện pháp cần thiết.

3. Báo cáo kết quả giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh và cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

4. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm theo dõi kết quả giải quyết kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Điều 74. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân

1. Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo; tổ chức Đoàn giám sát để giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị tại địa phương.

2. Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và

khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật; trường hợp không đồng ý với việc giải quyết của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó thì yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện yêu cầu của các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và phải báo cáo Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định giải quyết.

MỤC IV

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH, TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 75. Hoạt động giám sát của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thông qua các hoạt động sau đây:
 - a) Chất vấn những người bị chất vấn quy định tại khoản 2, điều 49 của Quy chế này;
 - b) Giám sát quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện;
 - c) Giám sát việc thi hành pháp luật ở địa phương;
 - d) Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.
2. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tuân theo Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc về các vấn đề do Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công; tổ chức đề đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện hoạt động giám sát.

Điều 76. Chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền chất vấn trực tiếp tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc gửi chất vấn bằng văn bản đến người bị chất vấn quy định tại khoản 2, điều 49 của Quy chế này.
2. Nội dung chất vấn phải cụ thể, rõ ràng, có căn cứ và phải liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người bị chất vấn.
3. Trình tự, thủ tục chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện theo quy định tại Điều 52 và Điều 61 của Quy chế này.

Điều 77. Giám sát văn bản quy phạm pháp luật

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm nghiên cứu, xem xét nội dung quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện.

2. Trường hợp phát hiện văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thì đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 78. Giám sát việc thi hành pháp luật ở địa phương

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thường xuyên theo dõi, xem xét việc thi hành pháp luật tại địa phương.

2. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức đề đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thi hành pháp luật trên địa bàn nơi đại biểu ứng cử.

3. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thông báo nội dung, kế hoạch giám sát cho cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất là 07 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành hoạt động giám sát;

b) Mời đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia giám sát.

4. Khi tiến hành giám sát, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát;

b) Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; trường hợp cơ quan, tổ chức không thực hiện hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không đồng ý với việc giải quyết thì đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp xem xét giải quyết;

c) Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo kết quả giám sát với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 79. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân

1. Khi nhận được khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm nghiên cứu và chuyển đến cơ quan, tổ chức,

cá nhân có thẩm quyền để xem xét, giải quyết; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết, đồng thời thông báo cho người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị biết.

2. Trong thời hạn do pháp luật quy định, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải xem xét, giải quyết và thông báo bằng văn bản cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh biết kết quả giải quyết; trường hợp không đồng ý với việc giải quyết, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền gặp người có thẩm quyền giải quyết hoặc người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp của người có thẩm quyền giải quyết để yêu cầu giải quyết hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

Chương IX

QUAN HỆ GIỮA THƯỜNG TRỰC, CÁC BAN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VỚI ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Điều 80. Nguyên tắc, phạm vi phối hợp

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc chuẩn bị dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, xây dựng chính sách, dự thảo Nghị quyết, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân tỉnh; giải quyết những vấn đề phát sinh khi thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quản lý ngân sách địa phương; tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời gian giữa 2 kỳ họp.

Điều 81. Hình thức phối hợp

1. Đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh được mời dự các cuộc họp hàng tháng và các cuộc họp khác của Ủy ban nhân dân tỉnh bàn việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quản lý ngân sách địa phương và các nhiệm vụ khác, các cuộc họp tổng kết công tác của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đại diện các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh được mời dự các cuộc họp của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh về những vấn đề liên quan thuộc lĩnh vực Ban phụ trách.

2. Đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh được mời dự các phiên họp thường kỳ hàng tháng và các cuộc họp khác của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh khi xét thấy cần thiết. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh được mời dự phiên họp thường kỳ hàng tháng, các cuộc họp khác của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về những vấn đề liên quan.

Đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh được mời dự các cuộc họp của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh về những vấn đề liên quan.

Điều 82. Phối hợp cung cấp thông tin

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm cung cấp cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm báo cáo và cung cấp các tài liệu liên quan khi có yêu cầu của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chương X

QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VỚI ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC TỈNH VÀ CÁC TỔ CHỨC THÀNH VIÊN CỦA MẶT TRẬN

Điều 83. Hình thức phối hợp

1. Quan hệ giữa Hội đồng nhân dân tỉnh với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức thành viên của Mặt trận là quan hệ phối hợp, tạo điều kiện để cùng thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định pháp luật.

2. Mỗi năm 2 lần vào giữa năm và cuối năm, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thông báo bằng văn bản đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh về tình hình tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh, nêu những kiến nghị (nếu có) với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh.

Đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh được mời dự kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh để Thông báo về hoạt động của Mặt trận Tổ quốc tỉnh tham gia xây dựng chính quyền, ý kiến, kiến nghị của Nhân dân địa phương; đề xuất, kiến nghị với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh những vấn đề cần thiết.

Đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh được mời dự các cuộc họp của Ban Thường trực và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh.

Điều 84. Nội dung phối hợp

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh xây dựng kế hoạch, tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận theo dõi hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và giúp đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh làm nhiệm vụ đại biểu.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức thành viên của Mặt trận thường xuyên giám sát tiêu chuẩn đại biểu và việc thực hiện nhiệm vụ của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh bầu; đề nghị bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định pháp luật.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh mời đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận tham gia hoạt động giám sát, khảo sát và một số hoạt động khác của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh khi xét thấy cần thiết; phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh trong việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và những vấn đề quan trọng ở địa phương.

Chương XI

NHỮNG ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 85. Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh

Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh là một khoản trong ngân sách địa phương do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và thực hiện theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và của Chính phủ.

Điều 86. Bộ máy giúp việc của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh là cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 87. Các chế độ, chính sách đối với đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Về tiền lương:

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động chuyên trách là cán bộ, công chức của cơ quan nhà nước thuộc đối tượng áp dụng của Luật Cán bộ, công chức được trả lương, phụ cấp và các chế độ khác từ ngân sách nhà nước theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và quy định khác của pháp luật;

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động không chuyên trách đang làm việc ở cơ quan, tổ chức, đơn vị trong thời gian thực hiện nhiệm vụ đại biểu được bảo đảm trả lương, phụ cấp, các chế độ khác theo quy định tại khoản 2 điều 103 của Luật tổ chức chính quyền địa phương;

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động không chuyên trách mà không phải là người hưởng lương (kể cả người hưởng lương hưu) hoặc hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước hoặc từ quỹ bảo hiểm xã hội thì được

chi trả chế độ tiền công lao động 0,14 mức lương cơ sở/ngày theo ngày thực tế thực hiện nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;

Ngày thực tế thực hiện nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh là ngày tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh theo kế hoạch, chương trình hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Về hoạt động phí:

Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh (bao gồm cả đại biểu hoạt động chuyên trách và hoạt động không chuyên trách) được hưởng hoạt động phí hàng tháng hệ số 0,5 mức lương cơ sở.

3. Các chế độ, chính sách khác:

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế;

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đương nhiệm nếu từ trần mà người lo mai táng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp mai táng từ Quỹ bảo hiểm xã hội hoặc không thuộc đối tượng hưởng trợ cấp mai táng từ ngân sách nhà nước thì được hưởng một lần trợ cấp mai táng bằng 10 lần mức lương cơ sở do Hội đồng nhân dân tỉnh chi trả từ ngân sách nhà nước;

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được hưởng chế độ, chính sách khác theo quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh.

Điều 88. Các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động chuyên trách được bảo đảm chỗ làm việc, trang thiết bị văn phòng đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước theo quy định của Chính phủ. Đồng thời căn cứ yêu cầu và tính đặc thù của công việc để báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, lãnh đạo cấp trên đề nghị được hỗ trợ kinh phí đặc thù cho đại biểu.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được cung cấp báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và các tài liệu khác liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Việc cung cấp báo chí và thông tin cần thiết khác cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được cấp kinh phí hoạt động tiếp xúc cử tri, giám sát; hỗ trợ công tác phí; khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ; may lễ phục; nghiên cứu, học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 89. Chế độ khen thưởng, kỷ luật

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được xét khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh là cán bộ, công chức nhà nước vi phạm kỷ luật phải xử lý buộc thôi việc, cách chức hoặc tạm đình chỉ công tác thì cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trước khi ra quyết định kỷ luật phải thông báo bằng văn bản đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh là cán bộ, công chức nhà nước chuyển công tác đi ra khỏi tỉnh thì trước khi ra quyết định chuyển chuyên, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phải tham khảo ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh và thông báo với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, cử tri nơi bầu ra đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đó biết việc chuyển công tác của đại biểu.

3. Định kỳ hàng năm, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đánh giá kết quả hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chương XII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 90. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

2. Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp để Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện và tham mưu bổ sung, sửa đổi Quy chế này khi cần thiết./.



Nguyễn Xuân Sơn